

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/DS-ST
Ngày 16 tháng 5 năm 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Có

Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S (trước đây là Ngân hàng Đ).

Địa chỉ: Số G, phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đào Thị Thu H; Địa chỉ: A đường B tháng D, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền số 24A/QĐ-NTR ngày 17/02/2025). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Kim N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn H1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đào Thị Thu H trình bày:

Bà Phan Thị Kim N vay vốn tại Ngân hàng Đ - nay là Ngân hàng S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 00761703/0138667401T21531 ngày 12/3/2021. Các bên thỏa thuận

như sau: Ngân hàng cho bà N vay số tiền 20.000.000 đồng; Mục đích vay: Cho vay sản xuất, kinh doanh cá thể và hộ gia đình; Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 12/3/2021 đến ngày 12/3/2022; Lãi suất cho vay: 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Phương thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng trong vòng 11 tháng đầu, tháng cuối trả 400.000 đồng; Hình thức cho vay: Tín chấp. Ngày 12/3/2021, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ khoản vay cho bà N thông qua hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 0110217572 của bà N tại Ngân hàng Đ.

Thời điểm các bên ký hợp đồng tín dụng, bà N trình bày mục đích vay vốn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình gồm vợ chồng bà Phan Thị Kim N, ông Bùi Văn H1 nhưng không có đăng ký kinh doanh. Ông H1 là người bảo lãnh cho khoản vay của bà N tại Ngân hàng.

Đối với khoản vay trên, bà N mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là: 16.351.246 đồng (trong đó, nợ gốc là 14.135.861 đồng; tiền lãi trong hạn là 2.215.385 đồng). Do bà N liên tiếp vi phạm các kỳ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ vay của Bà N sang nợ quá hạn kể từ ngày 17/6/2021

Vì vậy, Ngân hàng S yêu cầu bà Phan Thị Kim N và ông Bùi Văn H1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 16/5/2025 là 9.984.043 đồng (trong đó, nợ gốc là 5.864.139 đồng; nợ lãi trong hạn là 184.615 đồng; lãi quá hạn là 3.935.289 đồng) và các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng tính từ ngày 17/5/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Kim N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng đến Tòa nên không có lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Phan Thị Kim N. Theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, có thỏa thuận về việc lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án tại nơi Chi nhánh N1 - Ngân hàng S đặt trụ sở giao dịch. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00761703/0138667401T21531 ngày 12/3/2021 được lập giữa Ngân hàng S và bà Phan Thị Kim N trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp quy định tại các điều 116, 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, các điều 90, 91, 94, 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ vay của Bà N sang nợ quá hạn kể từ ngày 17/6/2021. Với số tiền vay, lãi suất, kỳ hạn mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng thì bà N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 22.400.000 đồng (trong đó, vốn gốc là: 20.000.000 đồng, tiền lãi là: 2.400.000 đồng) và phải tất toán khoản nợ trên vào ngày 12/3/2022. Tuy nhiên, bà N chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là: 16.351.246 đồng (trong đó, nợ gốc là 14.135.861 đồng; tiền lãi trong hạn là 2.215.385 đồng) và còn nợ số tiền tính đến hết ngày 16/5/2025 là 9.984.043 đồng (trong đó, nợ gốc là 5.864.139 đồng; nợ lãi trong hạn là 184.615 đồng; lãi quá hạn là 3.935.289 đồng).

Xét thấy việc bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay, tiền lãi đúng hạn cho Ngân hàng là vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của Ngân hàng. Tại văn bản Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 24/02/2021 có xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ phường N thể hiện ông Bùi Văn H1 ký với tư cách người bảo lãnh, cam kết trong trường hợp bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thì ông H1 sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bà N.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà N và ông H1 phải liên đới trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.984.043 đồng và khoản tiền lãi phát sinh trên kể từ ngày 17/5/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 336, 342, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy

định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. H2 lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 342, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 40, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S đối với bị đơn bà Phan Thị Kim N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H1.

1.1. Buộc bà N và ông H1 liên đới thanh toán cho Ngân hàng nợ số tiền tính đến hết ngày 16/5/2025 là **9.984.043** đồng (trong đó, nợ gốc là 5.864.139 đồng; nợ lãi trong hạn là 184.615 đồng; lãi quá hạn là 3.935.289 đồng) theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00761703/0138667401T21531 ngày 12/3/2021.

1.2. Kể từ ngày 17/5/2025, bà N và ông H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bị đơn bà Phan Thị Kim N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn lại cho Ngân hàng S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001869 ngày 16/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Quy định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Bảo Trâm